

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 115/2023/HS-ST
Ngày: 06-3-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Khắc Kiềm

Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/TLST-HS, ngày 11 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.

Nơi ĐKKHKT: Số 14 N, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công B (Đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1928; Có chồng là Lê Ngọc Ph; Có 03 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/11/2022 đến ngày 09/11/2022 chuyển tạm giam.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa; Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc Hồng, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Số 53/03 N, phường L, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1961; Có vợ là Trần Thị Lệ V (Đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/11/2022 đến ngày 09/11/2022 chuyển tạm giam.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6h ngày 02/11/2022, Nguyễn Thị L đi bộ đến khu vực gầm cầu đường T, phường N, thành phố H gặp và mua của một nam thanh niên tên T không biết lai lịch, địa chỉ 32 gói ma túy loại heroine với giá 2.500.000đ.

Sau khi mua được ma túy, L đem về nhà cất giấu để bán kiếm lời. Đến khoảng 7h cùng ngày, Nguyễn Ngọc H đi bộ đến nhà L mua của L 32 gói ma túy với giá 3.000.000đ.

Đến khoảng 8h, H cầm số ma túy đã mua được của L, bắt xe đến khu vực ngã tư đại lộ V, phường Q, thành phố H để bán thì bị Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố H kiểm tra. H đã lấy 32 gói ma túy trong túi áo khoác vứt xuống đường ngay vị trí H đang đứng. Tổ công tác đã phát hiện và bắt giữ H, đưa H cùng tang vật về trụ sở làm việc.

Sau khi biết H bị bắt, Nguyễn Thị L đã đến Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của H và L nhưng khi khám xét không phát hiện, thu giữ gì liên quan đến ma túy.

Tại Kết luận giám định số 3871/KL-KTHS ngày 08/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã kết luận: Chất bột màu trắng đựng trong phong bì niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng 1,923g, là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị L, cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh người đàn ông tên T bán ma túy cho L, do L khai không biết địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Tại cáo trạng số 56/CTr-VKS, ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thị L.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Ngọc H.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù; Nguyễn Ngọc H mức án từ 32 tháng đến 36 tháng tù.

Và đề nghị về xử lý vật chứng, về án phí.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, thể hiện:

Khoảng 6h ngày 02/11/2022, tại khu vực ngã tư Đại lộ V, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa, tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an thành phố Thanh Hóa đã phát hiện Nguyễn Ngọc H có hành vi tàng trữ 32 gói ma túy có trọng lượng 1,923g, loại Heroine nhằm mục đích bán cho các con nghiện kiếm lời. Nguồn gốc số ma túy này, Hồ khai đã điện thoại hỏi Nguyễn Thị L để mua, L đồng ý và đã bán cho H 32 gói heroin với giá 3.000.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo biết rõ ma túy là một trong những tệ nạn nguy hiểm cho xã hội, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của nhiều gia đình. Ma túy đã làm kiệt quệ về sức khỏe và tài sản, là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm, gây lan truyền căn bệnh HIV/ADS. Các bị cáo vì hám lời nên đã mua và bán ma túy cho các con nghiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất gây nghiện của Nhà nước và còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Nguyễn Thị L sau khi phạm tội đã ra đầu thú nhưng tại phiên tòa khai báo quanh co, không thành khẩn nên chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, xét cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L là người trực tiếp bán ma túy nên giữ vai trò đầu và phải chịu mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Ngọc H.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị L đã bán ma túy và thu lời bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo một khoản tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Ngọc H là công cụ để bị cáo liên lạc mua ma túy của bị cáo L nên tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu để sung quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000đ mà bị cáo L đã bán ma túy cho Hồng.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thị Lan.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Ngọc H.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị L 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2022.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/11/2022.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một phong bì ma túy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, bên trong chứa số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước Một điện thoại Samsung, Imel: 353465102827985. Điện thoại bị vỡ, bong mặt sau. Điện thoại đã cũ, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 58/2023/THA ngày 10/01/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa với Công an thành phố Thanh Hóa.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Các bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THA TP H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh